





Date: 26-Apr-2022 Page 1 of 3

VILAS 237

Client's name

: GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

Client's address

: NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD,

Đia chỉ

HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY SÓ 1, NGÕ 31, PHỐ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN,

QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHÓ HÀ NÓI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample I Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Rail pin GC-2650/A6005-T5

Quantity / Số lượng mẫu

01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

19-Apr-2022

Date of testing I Ngày thử nghiệm

From / từ 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM B557M - 15 Test Methods For Tension Testing Wrought And Cast Aluminum- And Magnesium-Alloy

Products (Metric)

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result I Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ILAC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhận Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA: Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS: VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiệm quốc tế.

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD Thay mặt cống ty Netnam Ltd

Le Tiep Du Lab Assistant Manager Industrial Services

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Ltd. Lot III/21. 19/5A St. Industrial Group III. Tan Binh IZ. Tan Phu District. Ho Chi Minh City. S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

Member of the SGS Group



Page 2 of 3

| Tensile test (*) / Thử kéo Width of specimen / Chiều rộng mẫu Thickness of specimen / Chiều dày mẫu Cross section area / Diện tích mặt cắt ngang Yield load F_{p0.2} / Lực chảy quy ước Yield strength R_{p0.2} / Giới hạn chảy quy ước Tensile load / Lực kéo đứt Tensile strength / Giới hạn bền kéo MPa 238 | 3 |
|---|----------|
| Thickness of specimen / Chiều dày mẫu mm 1.263 Cross section area / Diện tích mặt cắt ngang mm² 15.99 Yield load F _{p0.2} / Lực chảy quy ước N 3500 Yield strength R _{p0.2} / Giới hạn chảy quy ước MPa 220 Tensile load / Lực kéo đứt N 3784 Tensile strength / Giới hạn bền kéo MPa 238 | 3 |
| Cross section area / Diện tích mặt cắt ngang mm² 15.9° Yield load F _{p0.2} / Lực chảy quy ước N 3500 Yield strength R _{p0.2} / Giới hạn chảy quy ước MPa 220 Tensile load / Lực kéo đứt N 3784 Tensile strength / Giới hạn bền kéo MPa 238 | 1 |
| Yield load Fp0.2 / Lực chảy quy ướcN3500Yield strength Rp0.2 / Giới hạn chảy quy ướcMPa220Tensile load / Lực kéo đứtN3784Tensile strength / Giới hạn bền kéoMPa238 | |
| Yield ioad I p0.2 I Giới hạn chảy quy ước MPa 220 Tensile load I Lực kéo đứt N 3784 Tensile strength I Giới hạn bền kéo MPa 238 |) |
| Tensile load / Lực kéo đứt Tensile strength / Giới hạn bền kéo MPa 238 | |
| Tensile strength / Giới hạn bền kéo MPa 238 | |
| Tensile strength / Gior Han ben keo | 1 |
| | |
| Original gauge length / Chiều dài tính toán ban đầu mm 50.0 |) |
| Gauge length after broken / Chiều dài tính toán sau khi đứt mm 54.6 | j |
| Elongation I Độ giãn dài tương đối % 9.2 | |

The relationship between tensile load and deformation Biểu đồ tương quan giữa lực thử kéo và biến dạng

3 000

Elongation (mm)

1.000

2.000

4.000

5.000

*** TO BE CONTINUED ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx.
Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Page 3 of 3

| Characteristic / Tên chỉ tiêu | | Test result | |
|---|------|--------------------|--|
| 3. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | ú | Kết quả thử nghiệm | |
| Average hardness I Độ cứng trung bình | HV10 | 89 | |
| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result | |
| C. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | Kết quả thử nghiệm | |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.508 | |
| Iron content (Fe) I Hàm lượng sắt | % | 0.280 | |
| Copper content (Cu) I Hàm lượng đồng | % | 0.0630 | |
| Manganese content (Mn) / Hàm lượng mangan | % | 0.0963 | |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.516 | |
| Chromium content (Cr) / Hàm lượng crom | % | 0.0245 | |
| Zinc content (Zn) / Hàm lượng kẽm | % | 0.0712 | |
| • Titanium content (Ti) / Hàm lượng titan | % | 0.0141 | |
| Vanadium content (V) / Hàm lượng vanadi | % | 0.0110 | |
| Aluminium content (AI) I Hàm lượng nhôm | % | 98.3 | |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only I SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Đia chỉ





Construction Material Laboratory Test Report No: INL22/508435-212-2

Date: 26-Apr-2022 Page 1 of 2

Client's name

: GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

Client's address

: NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD.

HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY

Số 1, NGÕ 31, PHỐ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN.

QUẨN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample / Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Kep giữa GC-U/A6005-T5

Quantity / Số lượng mẫu

: 01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

: 19-Apr-2022

Date of testing I Ngày thử nghiệm

From / từ 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result I Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

Note:

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ILAC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhận Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA: Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS: VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiệm quốc tế.

Signed for and on behalf of

etnam Ltd

SGS Vietnam LTD
Thay mặt công ty

Le Tiep Du

Lab Assistant Manager Industrial Services

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Page 2 of 2

| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result |
|---|------|-----------------------------------|
| A. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | * | Kết quả thử nghiệm |
| Average hardness I Độ cứng trung bình | HV10 | 87 |
| Characteristic / Tên chỉ tiêu | | Test result Kết quả thử nghiệm |
| B. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.502 |
| Iron content (Fe) / Hàm lượng sắt | % | 0.282 |
| Copper content (Cu) I Hàm lượng đồng | % | 0.0572 |
| Manganese content (Mn) I Hàm lượng mangan | % | 0.0849 |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.509 |
| Chromium content (Cr) I Hàm lượng crom | % | 0.0218 |
| Zinc content (Zn) / Hàm lượng kẽm | % | 0.0695 |
| • Titanium content (Ti) I Hàm lượng titan | % | 0.0128 |
| Vanadium content (V) / Hàm lượng vanadi | % | 0.0109 |
| Aluminium content (AI) / Hàm lượng nhôm | % | 98.4 |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only I SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.







Date: 26-Apr-2022 Page 1 of 2

Client's name

: GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

Client's address

: NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD,

HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY

Đia chỉ

SỐ 1, NGÕ 31, PHỐ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN,

QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample / Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Kep biên GC-Z/A6005-T5

Quantity / Số lượng mẫu

01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

19-Apr-2022 :

Date of testing I Ngày thử nghiệm

From / từ 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result / Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

Note:

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ILAC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhận Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA : Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS: VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiêm quốc tế.

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

lietnam Ltd

Le Tiep Du Lab Assistant Manager Industrial Services

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Date: 26-Apr-2022 Page 2 of 2

| Characteristic / Tên chỉ tiêu | | Test result | |
|---|------|--------------------|--|
| A. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | | Kết quả thử nghiệm | |
| Average hardness / Độ cứng trung bình | HV10 | 86 | |
| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result | |
| B. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | Kết quả thử nghiệm | |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.372 | |
| Iron content (Fe) / Hàm lượng sắt | % | 0.302 | |
| Copper content (Cu) I Hàm lượng đồng | % | 0.0619 | |
| Manganese content (Mn) I Hàm lượng mangan | % | 0.0611 | |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.525 | |
| Chromium content (Cr) / Hàm lượng crom | % | 0.0227 | |
| Zinc content (Zn) I Hàm lượng kẽm | % | 0.122 | |
| Titanium content (Ti) / Hàm lượng titan | % | 0.0142 | |
| Vanadium content (V) I Hàm lượng vanadi | % | 0.0109 | |
| Aluminium content (AI) I Hàm lượng nhôm | % | 98.4 | |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx.

Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Ltd. | L







Date: 26-Apr-2022 Page 1 of 2

VILAS 237

Client's name

Tên khách hàng

Client's address

Đia chỉ

: GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD,

HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY

Số 1, NGÕ 31, PHỐ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN,

QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHÓ HÀ NÔI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample I Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Chân gá L 40x80/A6005-T5

Quantity / Số lượng mẫu

01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

19-Apr-2022

Date of testing I Ngày thử nghiệm

From / từ 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result / Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

Note:

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ÌLÁC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhận Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA : Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS: VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiệm quốc tế.

Signed for and on behalf of

Vietnam Ltd

SGS Vietnam LTD Thay mặt công

Le Tiep Du

Lab Assistant Manager **Industrial Services**

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

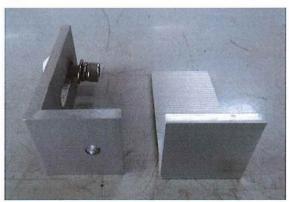


Page 2 of 2

| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result | |
|---|------|--------------------|--|
| A. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | | Kết quả thử nghiệm | |
| Average hardness I Độ cứng trung bình | HV10 | 90 | |
| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result | |
| B. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | Kết quả thử nghiệm | |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.526 | |
| • Iron content (Fe) I Hàm lượng sắt | % | 0.278 | |
| Copper content (Cu) I Hàm lượng đồng | % | 0.0475 | |
| Manganese content (Mn) / Hàm lượng mangan | % | 0.0452 | |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.523 | |
| Chromium content (Cr) / Hàm lượng crom | % | 0.0178 | |
| Zinc content (Zn) I Hàm lượng kẽm | % | 0.0709 | |
| Titanium content (Ti) I Hàm lượng titan | % | 0.0150 | |
| Vanadium content (V) / Hàm lượng vanadi | % | 0.0096 | |
| Aluminium content (AI) I Hàm lượng nhôm | % | 98.4 | |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only I SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx.
Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Ltd.







Date: 26-Apr-2022

Page 1 of 2

Client's name

: GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

Client's address

: NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD, HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY

Đia chỉ

SỐ 1. NGÕ 31. PHÓ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN,

QUÂN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhân dang mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample I Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Kep Seamlock 55/A6005-T5

Quantity / Số lượng mẫu

01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

19-Apr-2022

Date of testing / Ngày thử nghiệm

From / tù 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result I Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

Note:

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ILAC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhận Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA: Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS: VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiệm quốc tế.

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD Thay maticong ty S Vietnam Ltd

Le Tiep Du Lab Assistant Manager **Industrial Services**

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Page 2 of 2

| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result | |
|---|------|--------------------|--|
| A. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | (8.) | Kết quả thử nghiệm | |
| • Average hardness / Độ cứng trung bình | HV10 | 87 | |
| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result | |
| B. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | Kết quả thử nghiệm | |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.511 | |
| Iron content (Fe) I Hàm lượng sắt | % | 0.271 | |
| Copper content (Cu) I Hàm lượng đồng | % | 0.0471 | |
| Manganese content (Mn) / Hàm lượng mangan | % | 0.0456 | |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.526 | |
| Chromium content (Cr) I Hàm lượng crom | % | 0.0181 | |
| Zinc content (Zn) I Hàm lượng kẽm | % | 0.0728 | |
| Titanium content (Ti) I Hàm lượng titan | % | 0.0172 | |
| Vanadium content (V) / Hàm lượng vanadi | % | 0.0098 | |
| Aluminium content (AI) / Hàm lượng nhôm | % | 98.4 | |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only / SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.







Date: 26-Apr-2022 Page 1 of 2

Client's name

Tên khách hàng

GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

Client's address

Đia chỉ

: NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD,

HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY

Số 1, NGÕ 31, PHÓ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN,

QUÂN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample I Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Thanh nối Rail GC-140/A6005-T5

Quantity I Số lượng mẫu

01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

19-Apr-2022

Date of testing / Ngày thử nghiệm

From / từ 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result I Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

Note:

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ILAC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhận Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA: Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS : VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiệm quốc tế.

Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

Thay mặt công ty

SGS Vietnam Ltd

Le Tiep Du

Lab Assistant Manager Industrial Services

This document is issued by the C

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

SGS Vietnam Ltd.

Lot III/21. 19/5A St. Industrial Group III. Tan Binh IZ. Tan Phu District. Ho Chi Minh City. S.R. Vietnam. t (84) 28 3816 0999 f (84) 28 3816 0996 www.sgs.vn

NATL-QAM-F-2084 - 12 Feb, 2019



Page 2 of 2

| Characteristic / Tên chỉ tiêu | | Test result |
|---|------|--------------------|
| A. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | 9 | Kết quả thử nghiệm |
| Average hardness I Độ cứng trung bình | HV10 | 85 |
| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result |
| B. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | Kết quả thử nghiệm |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.518 |
| • Iron content (Fe) / Hàm lượng sắt | % | 0.288 |
| Copper content (Cu) I Hàm lượng đồng | % | 0.0640 |
| Manganese content (Mn) I Hàm lượng mangan | % | 0.0970 |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.529 |
| Chromium content (Cr) / Hàm lượng crom | % | 0.0245 |
| Zinc content (Zn) / Hàm lượng kẽm | % | 0.0727 |
| • Titanium content (Ti) / Hàm lượng titan | % | 0.0141 |
| Vanadium content (V) / Hàm lượng vanadi | % | 0.0109 |
| Aluminium content (AI) / Hàm lượng nhôm | % | 98.3 |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only I SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.







Date: 26-Apr-2022 Page 1 of 2

VILAS 237

Client's name

Tên khách hàng Client's address

Đia chỉ

GOPCO VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẨN GOPCO VIỆT NAM

: NO. 1, LANE 31, LUONG NGOC QUYEN STREET, VAN QUAN WARD.

HA DONG DISTRICT, HA NOI CITY

Số 1, NGÕ 31, PHÓ LƯƠNG NGỌC QUYẾN, PHƯỜNG VĂN QUÁN,

QUÂN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Các thông tin nhận dạng mẫu do khách hàng cung cấp:

Name of sample I Tên mẫu

: ALUMINIUM / NHÔM

Kep tiếp địa GC-TD20/A6005-T5

Quantity / Số lương mẫu

01 sample / mẫu

Date of receiving I Ngày nhận mẫu

19-Apr-2022

Date of testing / Ngày thử nghiệm

From / tù 19-Apr-2022 to / đến 26-Apr-2022

Test method I Phương pháp thử

ASTM E92 - 17 Standard Test Methods for Vickers

Hardness and Knoop Hardness of Metallic Materials

ASTM E1251 - 17a Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic

Emission Spectrometry

Test result I Kết quả thử nghiệm

See next page(s) / Xem trang sau

Note:

(*) The test was accredited ISO 17025:2017 by VILAS / Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025:2017 bởi VILAS.

ILAC : International Laboratory Accreditation / Tổ chức hợp tác công nhân Phòng thử nghiệm quốc tế.

MRA: Mutual Recognition Arrangement / Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau.

ILAC-MRA-VILAS: VILAS is the full member and signatory of Mutual Recognition Arrangement with International Laboratory Accreditation / VILAS là thành viên đầy đủ và ký thỏa ước thừa nhận lẫn nhau với tổ chức công nhận phòng thử nghiệm quốc tế.

Signed for and on behalf of SGS Vietnam LTD

/iotnam Ltd

Lmät công ty

Le Tiep Du

Lab Assistant Manager Industrial Services

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

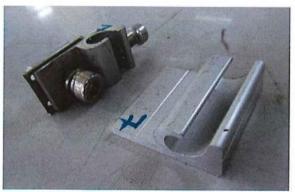


Page 2 of 2

| Characteristic / Tên chỉ tiêu | | Test result |
|---|------|--------------------|
| A. Vickers hardness test (*) I Kiểm tra độ cứng Vickers | . 6 | Kết quả thử nghiệm |
| Average hardness / Độ cứng trung bình | HV10 | 84 |
| Characteristic I Tên chỉ tiêu | | Test result |
| B. Chemical composition (*) I Thành phần hóa học | | Kết quả thử nghiệm |
| Silicon content (Si) I Hàm lượng silic | % | 0.400 |
| Iron content (Fe) I Hàm lượng sắt | % | 0.154 |
| Copper content (Cu) / Hàm lượng đồng | % | 0.0109 |
| Manganese content (Mn) I Hàm lượng mangan | % | 0.0090 |
| Magnesium content (Mg) / Hàm lượng magie | % | 0.521 |
| Chromium content (Cr) I Hàm lượng crom | % | 0.0021 |
| • Zinc content (Zn) I Hàm lượng kẽm | % | 0.0131 |
| Titanium content (Ti) I Hàm lượng titan | % | 0.0197 |
| Vanadium content (V) / Hàm lượng vanadi | % | 0.0115 |
| Aluminium content (AI) I Hàm lượng nhôm | % | 98.8 |

Photo of submitted sample I Hình ảnh mẫu nhận:





SGS authenticate the photos on original report only I SGS chỉ xác thực các hình ảnh trong báo cáo chính thức

*** END OF THE REPORT ***

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein.

Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.